

cờ bạc, gây nợ nần. Chị N đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ đầu năm 2019 đến nay. Trong thời gian không sống chung thì vợ chồng cũng có liên lạc nhưng không thể hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thanh A, sinh ngày 12/10/1998; Lê Thanh T, sinh ngày 03/9/2003; Lê Đỗ Thanh B, sinh ngày 25/6/2007.

Hiện nay con tên A đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con tên T đang sống cùng chị N; con tên B đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Lê Thanh T, sinh ngày 03/9/2003; con tên Lê Đỗ Thanh B, sinh ngày 25/6/2007 giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do anh Lê Ngọc T vắng mặt nên yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà anh Lê Ngọc T để tổng đạt các văn bản tố tụng, anh Lê Ngọc T cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải nên Tòa xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Ngọc T. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Xét bị đơn anh Lê Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại

phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Ngọc T.

[3]. Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Đỗ Thị N và anh Lê Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 123; quyền số 01/2002 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này chị N khai ra nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh T thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, về nhà đánh đập chị N. Ngoài ra anh T còn chơi cờ bạc, gây nợ nần. Chị N đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ đầu năm 2019 đến nay. Trong thời gian không sống chung thì vợ chồng cũng có liên lạc nhưng không thể hàn gắn. Xét mâu thuẫn của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thể hiện qua việc khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị N thì anh T không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh T vắng mặt không tham dự. Việc anh T không có ý kiến khi chị N xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Chứng tỏ, anh T không có thiện chí hòa giải tình cảm để hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị N, mâu thuẫn vợ chồng của anh, chị không được cải thiện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thanh A, sinh ngày 12/10/1998; Lê Thanh T, sinh ngày 03/9/2003; Lê Đỗ Thanh B, sinh ngày 25/6/2007.

Hiện nay con tên A đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con tên T đang sống cùng chị N; con tên B đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Lê Thanh T, sinh ngày 03/9/2003; con tên Lê Đỗ Thanh B, sinh ngày 25/6/2007 giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Xét yêu cầu của chị N Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với cháu Lê Thanh A, sinh ngày 12/10/1998 đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có cuộc sống ổn định chị N

không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Lê Thanh T và Lê Đỗ Thanh B đã trên 7 tuổi khi hỏi nguyện vọng của cháu T, cháu B thì cháu T có yêu cầu được ở với mẹ là chị N, cháu B có yêu cầu được ở với cha là anh T. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Việc chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Lê Thanh T, sinh ngày 03/9/2003; con tên Lê Đỗ Thanh B, sinh ngày 25/6/2007 giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Lê Ngọc T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thanh T , sinh ngày 03/9/2003 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Lê Đỗ Thanh B , sinh ngày 25/6/2007 cho anh Lê Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị Đỗ Thị N và anh Lê Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đỗ Thị N và anh Lê Ngọc T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Đỗ Thị N đã nộp đủ 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0028501 ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận, nên không phải nộp nữa.

Anh Lê Ngọc T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo của chị Đỗ Thị N là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (**ngày 14/10/2019**).

Riêng anh Lê Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.
- Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa